

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2022

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Trung Úy**; bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Chị **Nguyễn Thị D** - sinh năm 1993. Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Dương Trung N** - sinh năm 1986. Có đơn xin vắng mặt.

Đầu ĐKKHKT: thôn TN, xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Dương Trung N** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 2/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 2/2021 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết sớm cho chị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là Dương Quang T, sinh ngày 30/10/2012; Dương Tuấn A, sinh ngày 01/3/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh N. Trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng giao cả hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng khoảng 6- 7 triệu đồng/tháng. Chị sẽ chu cấp cho các con trong điều kiện có thể tùy từng tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Dương Trung N trình bày:** Anh xác nhận anh và chị D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã TB. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn, nguyên nhân chị D có quan hệ với người đàn ông khác sau đó bỏ đi khỏi nhà anh từ năm 2020. Anh đã tìm gặp chị D bảo về nuôi con nhưng chị D không về. Vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay chị D có đơn xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung là Dương Quang T, sinh ngày 30/10/2012; Dương Tuấn A, sinh ngày 01/3/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh. Trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N có ý kiến do anh đang làm trang trại nuôi gà và bận chăm hai con nhỏ nên anh xin vắng mặt các buổi làm việc tại Tòa án và anh có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Nguyện vọng của cháu Dương Quang T muốn ở với bố là anh N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng ý để anh N nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị D được ly hôn anh N. Về con chung: Đề nghị giao cháu Dương Quang T và Dương Tuấn A cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện đối với anh Dương Trung N về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh Dương Trung N hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Dương Trung N: Anh N đề nghị Tòa án nhân dân huyện CM giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Dương Trung N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh N thì thấy: Chị D cho rằng vợ chồng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm từ tháng 02/2021 đến nay. Anh N thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do chị D có người đàn ông khác nên đã bỏ đi từ đầu năm 2020. Cả anh N và chị D đều xác định vợ chồng không còn quan tâm, tình cảm vợ chồng với nhau nữa và anh N cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ

chồng chị D và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị D được ly hôn anh N.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh N có hai con chung là Dương Quang T, sinh ngày 30/10/2012 và Dương Tuấn A, sinh ngày 01/3/2016.

Xét nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung; chị D đồng ý giao cả hai con cho anh N. Cháu T có nguyện vọng ở với anh N nên để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của các bên và con chung, nên giao cả hai cháu Dương Quang T và cháu Dương Tuấn A cho anh N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh N không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Dương Trung N.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Dương Trung N có hai con chung là Dương Quang T, sinh ngày 30/10/2012 và Dương Tuấn A, sinh ngày 01/3/2016.

Giao cháu Dương Quang T và Dương Tuấn A cho anh Dương Trung N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Chị Nguyễn Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0075702 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ngày 01/3/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TB (Số 52/2016);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

